

PHỤ LỤC
ĐIỂM SỐ CÁC TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Tờ trình số/TTr-UBND ngày/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Địa bàn	Tổng cộng số điểm các tiêu chí giai đoạn 2026-2030	Tỷ lệ % trên tổng số điểm giai đoạn 2026-2030	Tiêu chí dân số				Diện tích		Trình độ phát triển		Tiêu chí bổ sung	Ghi chú		
				Tổng số điểm tiêu chí	Dân số (1)		Dân tộc thiểu số		Tổng số điểm tiêu chí	Diện tích tự nhiên				Tỷ lệ hộ nghèo (do SNNMT xác nhận)	
					Số người (người)	Điểm	Số người (người)	Điểm		Diện tích (km2)	Điểm			Tỷ lệ năm 2025 (%)	Điểm
	Tổng số	2.605,50	100	1.389,00	1.899.292	729	256.093,93	660,00	778,50	8.209,64	778,50	275,39	308,00	130,00	
1	UBND phường Bắc Nha Trang	26,0	1,00	18	111.238	18	-	0	8,0	100,25	8,0	0	0		
2	UBND phường Nam Nha Trang	32,0	1,23	24	118.732	18	419	6	8,0	83,02	8,0	0	0		
3	UBND phường Nha Trang	26,0	1,00	18	103.033	18	-	0	8,0	48,33	8,0	0	0		
4	UBND phường Tây Nha Trang	26,0	1,00	18	104.675	18	-	0	8,0	27,76	8,0	0	0		
5	UBND phường Bắc Cam Ranh	36,0	1,38	19	37.050	13	109	6	16,0	162,92	16,0	0,26	1		
6	UBND phường Cam Ranh	28,0	1,07	19	24.240	13	582	6	8,0	25,37	8,0	0,22	1		
7	UBND phường Cam Linh	22,0	0,84	13	28.230	13	-	0	8,0	14,69	8,0	0,12	1		
8	UBND phường Ba Ngòi	36,0	1,38	27	26.010	13	4.207	14	8,0	79,27	8,0	0,52	1		
9	UBND xã Nam Cam Ranh	54,0	2,07	30	21.081	13	6.042	17	12,0	137,14	12,0	1,77	2		10
10	UBND phường Ninh Hòa	30,0	1,15	20	50.197	14	174	6	8,0	35,79	8,0	1,07	2		
11	UBND phường Đông Ninh Hòa	42,0	1,61	18	38.695	13	62	5	12,0	141,85	12,0	1,13	2		10
12	UBND phường Hòa Thắng	27,0	1,04	18	23.018	13	84	5	8,0	81,01	8,0	0,79	1		
13	UBND xã Bắc Ninh Hòa	50,0	1,92	19	25.876	13	227	6	20,0	238,04	20,0	0,74	1		10
14	UBND xã Tân Định	32,0	1,23	13	35.063	13	-	0	8,0	92,23	8,0	0,7	1		10
15	UBND xã Nam Ninh Hòa	41,0	1,57	19	27.334	13	566	6	20,0	204,47	20,0	1,02	2		
16	UBND xã Tây Ninh Hòa	45,0	1,73	21	14.413	9	3.200	12	22,0	275,98	22,0	1,74	2		
17	UBND xã Hòa Trí	29,0	1,11	19	21.603	13	173	6	8,0	109,48	8,0	1,19	2		
18	UBND xã Vạn Ninh	33,0	1,27	20	45.482	14	233	6	12,0	131,87	12,0	0,36	1		
19	UBND xã Vạn Hưng	34,0	1,30	15	16.420	10	94	5	8,0	89,09	8,0	0,49	1		10
20	UBND xã Vạn Thắng	37,0	1,42	18	27.763	13	97	5	8,0	76,12	8,0	0,45	1		10
21	UBND xã Tu Bông	39,0	1,50	19	24.600	13	111	6	8,0	102,11	8,0	1,28	2		10
22	UBND xã Đại Lãnh	45,0	1,73	17	19.929	12	80	5	16,0	179,97	16,0	1,19	2		10
23	UBND xã Diên Khánh	27,0	1,04	18	40.653	13	84	5	8,0	18,41	8,0	0,27	1		
24	UBND xã Diên Lạc	27,0	1,04	18	22.319	13	79	5	8,0	14,85	8,0	0,33	1		
25	UBND xã Diên Điền	27,0	1,04	18	35.792	13	20	5	8,0	63,76	8,0	0,44	1		
26	UBND xã Diên Lâm	24,0	0,92	15	13.640	9	152	6	8,0	117,82	8,0	0,41	1		
27	UBND xã Diên Thọ	25,0	0,96	16	15.340	10	411	6	8,0	73,63	8,0	0,96	1		
28	UBND xã Suối Hiệp	28,0	1,07	19	22.138	13	378	6	8,0	55,34	8,0	0,73	1		
29	UBND xã Cam Lâm	41,0	1,57	24	81.581	16	1.456	8	16,0	167,27	16,0	0,13	1		
30	UBND xã Suối Dầu	31,0	1,19	18	11.786	8	2.565	10	12,0	155,38	12,0	0,2	1		
31	UBND xã Cam Hiệp	22,0	0,84	13	4.088	5	1.193	8	8,0	116,17	8,0	0,65	1		

